TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 274/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Tỏ

2. Bà Lê Thị Ngọc Thúy

Thư ký phiên tòa: Bà **Cà Thị Lan** – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Phúc** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 70/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 184/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Trần Nguyễn L**, sinh năm xxxx (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: **Nguyễn Thị N**, sinh năm: xxxxx (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Nguyễn L trình bày:

Anh L và chị N chung sống với nhau vào năm 2011, tuy anh chị không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn. Anh chị sống chung với cha mẹ anh tại ấp E, xã T, huyện G. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cải vã, anh chị không có tiếng nói chung nên anh chị

đã không còn sống chung từ năm 2016 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nhật Gia B, sinh ngày xx/xx/xxxx, hiện con đang sống chung với mẹ. Ly hôn, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Chị Nguyễn Thị N là bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, chị N cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của chị N đối với yêu cầu ly hôn của anh L cho Tòa án nên không có lời trình bày của chị N.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án,Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Nguyễn L, cho anh L được ly hôn với chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Trần Nguyễn L yêu cầu được ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị N, sinh năm xxxx, ngụ tại ấp E, xã T, huyện G nên đây là quan hệ "*Tranh chấp ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng chị N vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của chị N đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị N.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Nguyễn L và chị Nguyễn Thị N có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của anh L, căn cứ vào lời khai của anh, Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cải vã, anh chị không có tiếng nói chung nên anh chị đã không còn sống chung từ năm 2016 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn

bản tố tụng thông báo cho chị N biết nội dung yêu cầu ly hôn của anh L, tuy nhiên chị N vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của anh L, để mặc cho anh với yêu cầu ly hôn mà vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, chị N không quan tâm đến kết quả giải quyết đối với quan hệ hôn nhân của chị và anh L. Từ những tình tiết nêu trên, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L với chị N là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung Trần Nhật Gia B, sinh ngày xx/xx/xxxx, hiện đang sống chung chị N. Ly hôn, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, để anh chị tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Anh Trần Nguyễn L có yêu cầu ly hôn nên anh L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[3] Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

X***ử:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Nguyễn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Nguyễn L và chị Nguyễn Thị N được ly hôn.

2. Về án phí: Anh Trần Nguyễn L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0028535 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh Trần Nguyễn L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND xã Tân Phước, H.GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Nguyễn Thị Diễm Trinh